TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/10/2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng E – sinh năm 1978, có mặt.
Địa chỉ ấp P, xã V, huyện G, tỉnh K.
Bị đơn: Ông Lâm Văn D - sinh năm 1975, vắng mặt.
Địa chỉ ấp P, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng E như sau: Bà với ông Lâm Văn D tìm hiểu nhau được 03 tháng thì hai người sống chung như vợ chồng vào năm 1997, hôn nhân do mai mối, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Bà và ông D sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, còn đánh đập bà nhiều lần, hiện nay ông D đã bỏ đi không còn sống chung với bà và ông bà sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Văn D.

Về con chung: Sau thời gian chung sống bà và ông D có 02 người con chung là Lâm Thị Tú S – sinh ngày 08/6/1997 và Lâm Thị H – sinh ngày 26/02/2000.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung của vợ chồng bà thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Lâm Văn D.

Về con chung: Hiện các con của bà đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn D đã được Tòa án thông báo tìm ông trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông Lâm Văn D không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Lâm Văn D.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng E vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn D, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D là vợ chồng; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Lâm Văn D là bị đơn trong vụ án, ông D có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Lâm Văn D vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên, ngày 12 tháng 8 năm 2020, Tòa án làm việc với ông Phạm Văn Lê, giữ chức vụ Trưởng ấp P, xã V, huyện G để xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông D thì được ông Lê cho biết ông Lâm Văn D hiện vẫn còn hộ khẩu ở ấp Phước Thọ, xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao nhưng ông D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, ở địa phương không có ai tranh chấp về tài sản hay nợ nần gì với ông D và bà Hồng E, nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông D vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lâm Văn D theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D sống chung với nhau vào năm 1997, hôn nhân do mai mối tuy nhiên ông bà có thời gian sống hạnh phúc được 08 năm, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D có 02 người con chung tên Lâm Thị Tú S – sinh ngày 08/6/1997 và Lâm Thị H – sinh ngày 26/02/2000. Hiện nay các con của ông bà đều trưởng thành và có công việc ổn định, bà Hồng E không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Hồng E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Hồng E phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008924, ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Hồng E đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng E.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Hồng E và ông Lâm Văn D là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng E phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008924, ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bán án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang